

ÁN LỆ SỐ 71/2024/AL¹

Về việc đình chỉ giải quyết vụ án với lý do sự việc đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào các ngày 20, 21, 23 tháng 02 năm 2024 và được công bố theo Quyết định số 119A/QĐ-CA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định giám đốc thẩm số 14/2022/DS-GĐT ngày 28/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân*” giữa nguyên đơn là bà Đặng Thị Thu H với bị đơn là bà Nguyễn Thị C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm 04 người.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 3, 4 và 6 phần “*Nhận định của Tòa án*”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- *Tình huống án lệ:*

Tranh chấp quyền sử dụng đất đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nguyên đơn tiếp tục khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất đó và yêu cầu hủy quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nguyên đơn không đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tranh chấp.

- *Giải pháp pháp lý:*

Trường hợp này, Tòa án phải đình chỉ giải quyết vụ án với lý do sự việc đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Khoản 1, 2 Điều 34 và điểm c, d khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 38 Luật Đất đai năm 1993 (tương ứng với Điều 136 Luật Đất đai năm 2003; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013).

Từ khóa của án lệ:

“Không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án”; “Đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”; “Đình chỉ giải quyết vụ án”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2014 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/5/2015, nguyên đơn là bà Đặng Thị Thu H trình bày:

¹ Án lệ này do Hội đồng xét xử gồm 05 Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề xuất.

Trước đây, cha mẹ của ông Nguyễn Tấn T (là chồng của bà, chết năm 2007) là cụ Nguyễn Tân K và cụ Thái Thị H1 nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị S diện tích 20.000ha đất cao su, trong đó diện tích đăng ký theo trích lục địa bộ năm 1973 là 17.000ha, diện tích chưa đăng ký khoảng hơn 4ha. Ngoài ra, cụ K, cụ H1 còn nhận chuyển nhượng của bà Hứa Thị M diện tích hơn 20.000ha đất cao su, trong đó diện tích đăng ký theo trích lục địa bộ năm 1973 là 17.000ha, diện tích chưa đăng ký khoảng hơn 4ha. Năm 1975, cụ K, cụ H1 đăng ký kê khai sử dụng toàn bộ diện tích đất nêu trên với chính quyền địa phương. Khi cụ K, cụ H1 chết thì ông T đăng ký, kê khai ruộng đất và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/7/1992.

Toàn bộ diện tích đất nêu trên gia đình bà luôn quản lý, sử dụng ổn định. Ngày 08/12/1987, gia đình bà Nguyễn Thị C gặp nhiều khó khăn nên ông T cho bà C tạm thời canh tác trên diện tích đất khoảng 2,5 sào để sản xuất hoa màu làm kinh tế, phụ gia đình. Quá trình canh tác, bà C đã lấn chiếm thêm đất của gia đình bà, đồng thời xây dựng nhà kiên cố trên đất mượn. Mặc dù, đất tranh chấp năm 1992 nhưng không hiểu vì sao năm 1993 bà C vẫn kê khai nộp được thuế. Ngày 09/10/1998, bà C làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất bà C xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà C mượn của gia đình bà canh tác, đất nằm trong hành lang lộ giới và đất đang có tranh chấp nhưng không hiểu sao Hội đồng xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Q lại xác nhận nguồn gốc đất của bà C có *“nguồn gốc ông T cho năm 1987 và bà C sử dụng ổn định phù hợp với quy hoạch”*. Ngày 09/8/2002, Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C với diện tích 2.526m². Ngày 21/12/2006, Ủy ban nhân dân huyện N cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C với diện tích 1.962m² đất.

Bà đã nhiều lần yêu cầu bà C trả toàn bộ thửa đất nêu trên, nhưng bà C không trả. Do đó, bà đề nghị Tòa án buộc bà C trả bà diện tích đất nêu trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Năm 1975, bà từ quê vào miền Nam lập nghiệp ở xã Q, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Thời điểm đó, gia đình bà gồm có bà, bà Nguyễn Thị H2 (em gái bà), anh Nguyễn Thanh L (con bà).

Thời gian đầu lập nghiệp bà xin làm công nhân cạo mủ cho đồn điền cao su do ông Nguyễn Tấn T làm chủ. Tuy nhiên, do gia đình không có đất canh tác và gia đình phát cỏ, canh tác trồng hoa màu (khoai lang, đậu, bắp, ...) trên diện tích đất hiện đang có tranh chấp. Thực tế, bà và gia đình cũng không rõ đất thuộc quyền quản lý của ai. Lúc đó, ông T sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh thỉnh thoảng có về trông coi đất và nói với bà là đất hiện gia đình bà đang canh tác là đất của ông T nên bà có ngỏ lời xin đất này để canh tác và được ông T đồng ý. Ngày 08/12/1987, ông T viết *“Giấy xác nhận”* cho bà diện tích đất nêu trên.

Sau khi ông T viết giấy cho đất, gia đình bà tiếp tục quản lý và canh tác trồng tiêu, cà phê trên đất. Năm 1994-1995, ông T có nhu cầu mở rộng diện tích trồng cao su nên có liên hệ với Ủy ban nhân dân xã mời các hộ sinh sống trên đất tiếp giáp với vườn cây cao su của ông T để thương lượng đền bù (trong đó có hộ gia đình bà) nhưng gia đình bà không đồng ý thương lượng vì ngoài diện tích đất nêu trên gia đình bà không còn diện tích đất nào khác để canh tác. Năm 1995, ông

T đã tranh chấp với bà. Năm 2000, gia đình ông T lại tiếp tục kiện gia đình bà đòi lại đất. Ngày 21/11/2000, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 1627/QĐ và ngày 19/12/2001, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 4835/QĐ bác đơn khiếu nại của ông T về việc tranh chấp diện tích đất đã cho gia đình bà từ năm 1987. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu của bà H về việc đòi diện tích đất nêu trên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 55/2018/QĐST-DS ngày 31/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 41/2015/TLST-DS ngày 14/10/2015 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân” giữa:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1953; địa chỉ: 271/8 đường N, Phường X, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Sin Thoại K, sinh năm 1973 (theo văn bản ủy quyền ngày 22/12/2014); Hộ khẩu thường trú: 1/5J đường P, Phường V, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ liên lạc: 244 đường B, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1939, địa chỉ: F3/113 ấp S, xã Q, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; địa chỉ: số 02 đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Ấp L, xã X, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Anh Nguyễn Thanh L, địa chỉ: F3/113 ấp S, xã Q, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Nguyễn Thị H2, địa chỉ: F3/113 ấp S, xã Q, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự này.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo.

Ngày 12/12/2018, bà H kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự nêu trên.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 154/2019/QĐ-PT ngày 08/5/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị Thu H, hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 55/2018/QĐST-DS ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi có Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai kiến nghị

với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị kháng nghị Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 154/2019/QĐ-PT ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/2022/KN-DS ngày 14/3/2022, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 154/2019/QĐ-PT ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên và giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 55/2018/QĐST-DS ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Diện tích 1.962m² đất các đương sự có tranh chấp là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 17 (thửa cũ 56, tờ bản đồ số 12), tờ bản đồ số 17, tại xã Q, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Năm 1995, thửa đất nêu trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Tấn T (là chồng bà H) đã tranh chấp quyền sử dụng thửa đất với bà C nên thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai thuộc Ủy ban nhân dân huyện N, theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Đất đai năm 1993.

[3] Ngày 21/11/2000, Ủy ban nhân dân huyện N có Quyết định giải quyết khiếu nại số 1627/QĐ.CT.UBH, bác đơn khiếu nại của ông T về việc đòi lại diện tích đất 2.152,15m² mà ông T đã viết giấy cho bà C ngày 08/12/1987. Không đồng ý với Quyết định này, ông T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Ngày 19/12/2001, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có Quyết định giải quyết khiếu nại số 4835/QĐ.CT.UBT, với nội dung: Công nhận quyết định số 1627/QĐ.CT.UBH ngày 21/11/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông T và bà C là đúng với quy định của pháp luật; bác đơn khiếu nại của ông T.

[4] Như vậy, diện tích đất bà H tranh chấp với bà C đã được giải quyết tại Quyết định số 4835/QĐ.CT.UBT ngày 19/12/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có hiệu lực thi hành.

[5] Ngày 04/8/2002, bà C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 21/12/2006, bà C được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6] Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 55/2018/QĐST-DS ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật là không có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 2 Điều 343, Điều 344 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/2022/KN-DS ngày 14/3/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

2. Hủy Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 154/2019/QĐ-PT ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân*” giữa nguyên đơn là bà Đặng Thị Thu H với bị đơn là bà Nguyễn Thị C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 55/2018/QĐST - DS ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“[3] Ngày 21/11/2000, Ủy ban nhân dân huyện N có Quyết định giải quyết khiếu nại số 1627/QĐ.CT.UBH, bác đơn khiếu nại của ông T về việc đòi lại diện tích đất 2.152,15m² mà ông T đã viết giấy cho bà C ngày 08/12/1987. Không đồng ý với Quyết định này, ông T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Ngày 19/12/2001, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có Quyết định giải quyết khiếu nại số 4835/QĐ.CT.UBT, với nội dung: Công nhận quyết định số 1627/QĐ.CT.UBH ngày 21/11/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông T và bà C là đúng với quy định của pháp luật; bác đơn khiếu nại của ông T.

[4] Như vậy, diện tích đất bà H tranh chấp với bà C đã được giải quyết tại Quyết định số 4835/QĐ.CT.UBT ngày 19/12/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có hiệu lực thi hành.

...

[6] Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 55/2018/QĐST-DS ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật là không có cơ sở.”